

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT RAU THEO TIÊU CHUẨN HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XAYTHANY, THỦ ĐÔ VIÈNG CHĂN, CHDCND LÀO

Hồ Ngọc Cường^{1*}, Chansamone Manothan²

¹*Khoa Kinh tế và Quản lý, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Văn phòng Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*

*Tác giả liên hệ: hncuong@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 14.01.2025

Ngày chấp nhận đăng: 19.03.2025

TÓM TẮT

Xaythany là huyện sản xuất nông nghiệp tập trung của thủ đô Viêng Chăn, có nhiều điều kiện thuận lợi trong sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ. Tuy nhiên, phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn. Nghiên cứu được tiến hành nhằm đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn huyện Xaythany. Nghiên cứu chọn làng Thông Măng, Nôn Tệ và Somsavan để thu thập thông tin từ 200 hộ sản xuất rau. Ngoài các yếu tố về điều kiện tự nhiên, chính sách của nhà nước, thị trường tiêu thụ, nghiên cứu sử dụng mô hình logit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng thuộc về hộ ảnh hưởng tới quyết định tham gia xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ. Các giải pháp đề xuất bao gồm: Hoàn thiện chính sách nhà nước; Hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ; Khuyến khích tiêu thụ và mở rộng thị trường; Huy động sự tham gia của các tác nhân có liên quan trong sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ; Tăng cường công tác giám sát, đảm bảo chất lượng sản phẩm; Tăng cường tín dụng cho hộ; Tạo nguồn kinh phí, tăng cường tổ chức các buổi tập huấn.

Từ khoá: Phát triển sản xuất, rau, tiêu chuẩn hữu cơ, Xaythany, Lào.

Organic Vegetable Production Development in Xaythany District, Vientiane Capital, Lao PDR

ABSTRACT

Xaythany is one of the district of Vientiane capital with many advantages in organic vegetable cultivation. However, the diffusion of organic vegetable cultivation in this district still faces various difficulties. The study was conducted to propose solutions to promote the development of organic vegetable production in Xaythany district. The study collected data from 200 vegetable farming households in Thong Mang, Non Te, and Somsavan villages. Beside the natural conditions, policies, and markets affecting the diffusion of organic vegetable, the logit model was used to analyze socio-economic factors affecting the organic vegetable production adoption. Proposed solutions include: completing policies, completing organic vegetable production development planning, encouraging consumption and market expansion, encouraging the participation of relevant stakeholders in organic vegetable production, strengthening supervision to ensure product quality, increasing credit for households and generating funding sources for training.

Keywords: Production development, organic vegetable, Xaythany district, Lao PDR.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào) có giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, nhưng đang có xu hướng chuyển dịch nhanh trong cơ cấu giá trị kinh tế. Giá trị sản xuất nông nghiệp của Lào chiếm

51,9% GDP năm 1997 và chỉ còn 14,87% vào năm 2022 (Worldbank, 2023; Tổng cục Thống kê Lào, 2024). Tuy nhiên, vật tư đầu vào như phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng ngày càng nhiều gây ảnh hưởng tới môi trường sinh thái cũng như sức khoẻ của người tiêu dùng (Bounhome, 2020; Makino &

Inthalangsee, 2023). Do đó, sản xuất đáp ứng nhu cầu, sức khỏe của người tiêu dùng và môi trường sinh thái là một mục tiêu quan trọng không chỉ trên thế giới mà cả tại quốc gia Lào (Poyearleng & cs., 2019; Markino & Inthalangsee, 2023). Chính phủ Lào đã có nhiều nỗ lực trong phát triển nông nghiệp hữu cơ nói chung và phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ (RHC) nói riêng. Từ những năm 1990, Chính phủ đã cho phép các tổ chức phi chính phủ triển khai các dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ. Sau khi tiêu chuẩn hữu cơ Lào được phê duyệt năm 2005, văn phòng cấp chứng chỉ được thành lập năm 2008 và chính thức bắt đầu hoạt động năm 2009 (Vagneron & cs., 2015). Từ đó, diện tích được cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ nói chung và RHC ở Lào ngày càng tăng lên (Bounhome, 2020).

Xaythany là một trong những vùng nông nghiệp tập trung của thủ đô Viêng Chăn có nhiều điều kiện sản xuất rau. Thời gian qua, huyện đã triển khai một số mô hình trồng RHC với phương châm không sử dụng phân bón hóa học, không phun thuốc kích thích sinh trưởng, không sử dụng thuốc diệt cỏ, không sử dụng hạt rau biến đổi gen. Thay vào đó là áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh thủ công và sử dụng các loại chế phẩm sinh học, vi sinh (Phòng Nông Lâm nghiệp Xaythany, 2023). Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cùng với sự hỗ trợ từ phía chính quyền địa phương, sản xuất RHC trên địa bàn huyện Xaythany vẫn chưa xứng với tiềm năng. Điều đó cho thấy còn nhiều khó khăn, thách thức trong phát triển sản xuất RHC trên địa bàn huyện. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản xuất RHC, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất RHC trên địa bàn huyện Xaythany. Nghiên cứu dựa trên quan điểm phát triển sản xuất rau được chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ PGS thông qua việc ban hành các văn bản triển khai, quy hoạch phát triển sản xuất, đầu tư công, gia tăng các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường tuân thủ quy trình sản xuất cũng như xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ để có những giải pháp phù hợp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung các làng: Thông Măng, Nôn Tệ và Somsavan. Đây là nơi có đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu cũng như nhà nước quan tâm đầu tư,... có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất rau hữu cơ. Sản xuất RHC trên địa bàn huyện đã đáp ứng thị trường trong và ngoài huyện, đặc biệt là thủ đô Viêng Chăn. Với nhu cầu RHC ngày càng tăng thì phát triển sản xuất RHC ở huyện Xaythany là một lợi thế lớn bởi điều kiện tự nhiên, đất đai, nước và gần thủ đô (Hình 1). Tuy nhiên, trên địa bàn các làng vẫn còn nhiều hộ trồng rau truyền thống chưa chuyển đổi sang trồng rau hữu cơ.

2.2. Thu thập thông tin

Các thông tin thứ cấp được thu thập từ các nguồn sách báo, internet, bài báo, báo cáo của Phòng Nông Lâm nghiệp huyện Xaythany. Thông tin sơ cấp thu được từ khảo sát các đối tượng trồng rau hữu cơ, rau thường nhằm tìm hiểu thực trạng sản xuất RHC thông qua phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng hỏi các đối tượng có liên quan từ cán bộ địa phương tới các hộ dân trồng RHC, các hộ dân trồng rau, người tiêu dùng thường để có thông tin phục vụ nghiên cứu. Số lượng mẫu gồm: 10 cán bộ cấp huyện, làng; toàn bộ 100 hộ sản xuất RHC, 100 hộ trồng rau truyền thống cùng trên địa bàn để so sánh với cỡ mẫu chọn theo phương pháp thống kê với sai số cho phép 10%. Nghiên cứu cũng khảo sát thêm 50 người tiêu dùng để tìm hiểu mong muốn về tiêu dùng RHC.

2.3. Phân tích thông tin

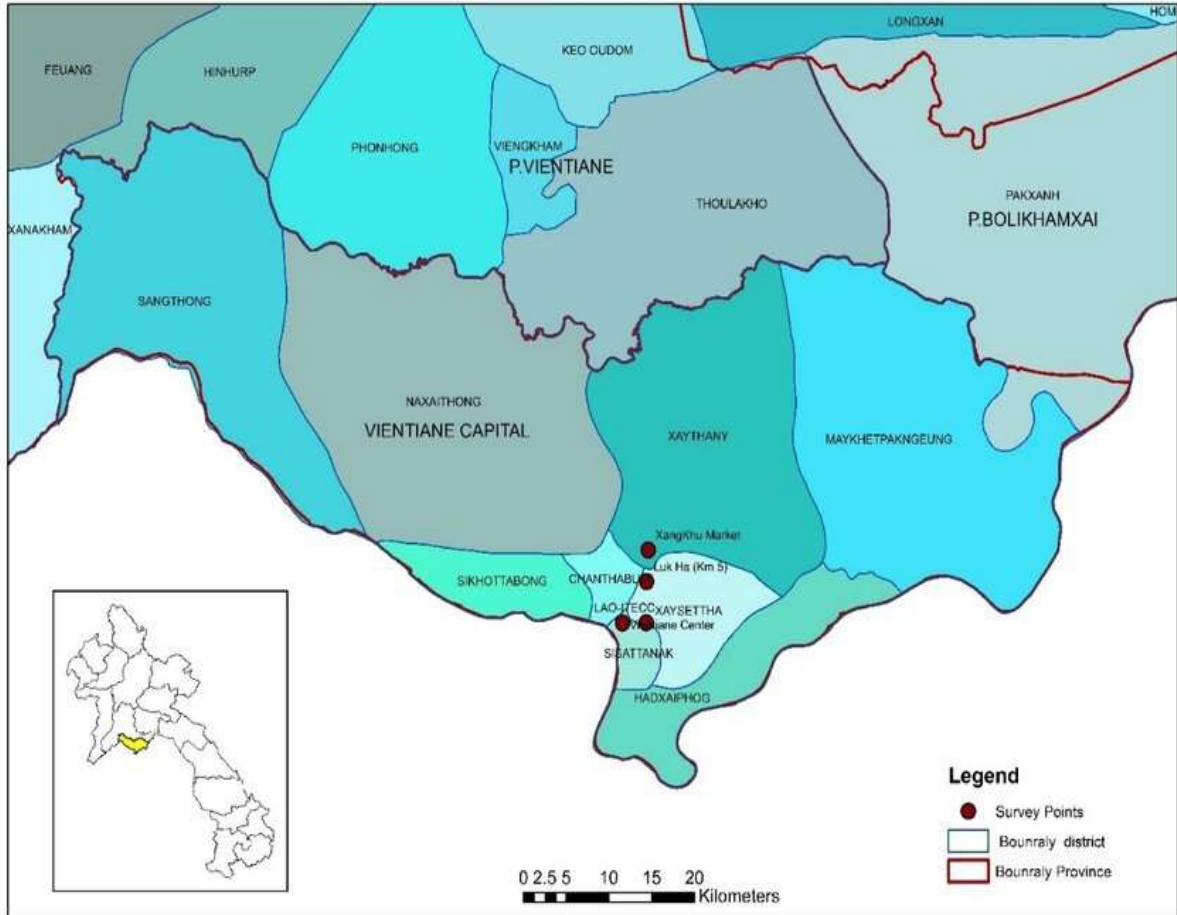
Phương pháp phân tích thống kê mô tả, phương pháp so sánh được sử dụng để phản ánh thực trạng phát triển RHC, mức độ tuân thủ quy trình sản xuất RHC qua những chỉ tiêu như: số tuyệt đối, số tương đối. Nghiên cứu cũng sử dụng mô hình logit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sản xuất RHC của các hộ:

$$Y = \beta X_i + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc nhận giá trị 0 và 1; X_i là các biến độc lập ảnh hưởng trong mô hình và ε_i là sai số ước lượng. Xác suất để biến Y nhận giá trị 1 là P_i . Mô hình (1) biến đổi đưa về

dạng tuyến tính như sau:

$$\ln\left(\frac{P_i}{1-P_i}\right) = Z_i = \beta X_i + \varepsilon_i \quad (2)$$



Nguồn: *Inthavixay & cs. (2023)*.

Hình 1. Xaythany, thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào

Bảng 1. Các biến sử dụng trong mô hình Logit

Biến trong mô hình	Đơn vị tính	Diễn giải
Trồng RHC (Y)		Trồng RHC Y = 1; Không trồng RHC Y = 0
Giới tính chủ hộ		Nam = 1; Nữ = 0
Tuổi chủ hộ	Năm	Tuổi của chủ hộ
Số năm đi học	Năm	Số năm đi học của chủ hộ
Kinh nghiệm trồng rau hàng hoá	Năm	Số năm từ lúc trồng rau hàng hoá
Lao động sản xuất rau	Người	Số lao động tham gia sản xuất rau
Diện tích trồng rau	Ha	Diện tích trồng rau của hộ
Vốn	Triệu kíp	Vốn phục vụ sản xuất rau
Tham gia tập huấn trồng rau	Lần	Số lần tham gia tập huấn của hộ
Nhận thức về quy trình sản xuất RHC		Đế = 2; Bình thường = 1; Khó = 0

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất rau hữu cơ tại huyện Xaythany

3.1.1. Quy hoạch sản xuất rau hữu cơ

Trước thực trạng vấn đề mất vệ sinh an toàn thực phẩm ở rau xanh đang báo động, Chính phủ Lào cũng như chính quyền huyện Xaythany đã triển khai nhiều hoạt động để phát triển sản xuất rau, từ các chính sách, quy hoạch, đầu tư công. Trồng rau theo tiêu chuẩn hữu cơ tại huyện manh nha từ những năm 1990, song tới năm 2016 thì chính quyền mới thực sự quan tâm và đẩy mạnh do có quyết định số 0145 của Chính phủ Lào. Trên cơ sở đó, huyện Xaythany đã triển khai quy hoạch vùng sản xuất RHC trên các địa bàn có điều kiện phù hợp tại 3 làng là Măng Thông, Nôn Tê và Somsavan. Các loại rau quy hoạch trồng phù hợp với điều kiện sinh thái và nhu cầu thị trường gồm: xà lách, rau muống, rau dền, cà chua, cà rốt. Năm 2023, diện tích trồng RHC theo quy hoạch là 130ha (Bảng 2). So với tổng diện tích rau trồng toàn huyện là 12.000ha (năm 2022) thì diện tích trồng rau hữu cơ còn rất nhỏ bé.

Năm 2023, toàn huyện có 100 hộ, 16 tổ hợp tác và 10 doanh nghiệp tham gia sản xuất RHC. So với kế hoạch, mặc dù diện tích RHC của Somsavan đạt 48,75ha vượt 8,3%, song làng Thông Măng và Nôn Tê chỉ đạt gần 90% nên tổng diện tích RHC toàn huyện là 123,5ha, đạt 95% kế hoạch năm 2023. Do người dân sản xuất còn ít kinh nghiệm, đầu tư chưa đáp ứng như quy trình nên năng suất, sản lượng thấp. Cụ thể, năng suất bình quân RHC đạt 74,6%, trong khi đó sản lượng là 20.460,37 tạ, đạt 70,7% kế hoạch đặt ra. Mặt khác, vì chưa thống nhất được cách thức hoạt động, đất đai không liền vùng nên khó thành lập tổ hợp tác để đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Nhìn chung, công tác quy hoạch vùng RHC trên địa bàn mới chỉ dừng lại ở định hướng, chưa cụ thể hóa đến cơ sở, thiếu đồng bộ nên vùng trồng RHC không tập trung, khó cơ giới hoá.

3.1.2. Đầu tư công cho phát triển sản xuất rau hữu cơ

Đầu tư công cho phát triển sản xuất RHC trên địa bàn Xaythany bao gồm triển khai các dự án và nguồn kinh phí hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác khuyến nông, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Cụ thể năm 2023, huyện đã triển khai 8 dự án đối với sản xuất RHC nhằm hỗ trợ vật tư, phân bón hữu cơ, khung, màng che, bao bì,... từ vốn trung ương (350 triệu kíp¹ (Lào), tỉnh (280 triệu kíp) và huyện (175 triệu kíp). Huyện cũng đã chú trọng xây dựng hạ tầng, kiên cố hoá hệ thống thuỷ lợi dài 18km và 12km hệ thống giao thông nội đồng, 4 nhà sơ chế, 7 quầy tiêu thụ thí điểm. Song các hệ thống này được 100% các bên liên quan đánh giá là chưa đồng bộ và đầy đủ. Bên cạnh đó, nguồn vốn từ dự án còn thiếu so với nhu cầu phát triển sản xuất RHC.

Để tham gia sản xuất RHC, người sản xuất bắt buộc tham gia một khóa tập huấn 2 tuần để được trang bị đầy đủ kỹ năng, nắm bắt quy trình và quy định trong sản xuất RHC. Đáp ứng nhu cầu đó, giai đoạn 2021-2023, huyện đã tổ chức 42 lớp tập huấn cho 150 lượt người năm 2021 và 206 lượt người năm 2023 về RHC. Kinh phí của hoạt động này tăng từ 28 triệu kíp năm 2021 lên 35,5 triệu kíp năm 2023.

Nhìn chung, sản xuất RHC đã từng bước phát triển, nhưng thương hiệu vẫn chưa được chính quyền hỗ trợ tạo lập. Các loại RHC bán ra thị trường chỉ mang chứng nhận PGS (Participatory Guarantee System) nên người tiêu dùng khó phân biệt với rau thông thường. Khảo sát các đối tượng có liên quan bao gồm cán bộ, người sản xuất, người tiêu dùng đều đánh giá vai trò thương hiệu với mức độ quan trọng trở lên và rất cần thiết phải xây dựng thương hiệu.

Kiểm soát chất lượng sản phẩm trên địa bàn huyện thực hiện theo cơ chế PGS. Hệ thống này giống như hệ thống chứng nhận của bên thứ 3. Để triển khai hoạt động chứng nhận, sẽ có Ban điều phối PGS. Hệ thống sẽ điều khiển, vận hành để quản lý một cách minh bạch ở tất cả các khâu từ sản xuất đến phân phối và bán hàng.

¹ 1 Kíp Lào = 1,18 VNĐ

Người trồng rau khi đáp ứng đủ các điều kiện của PGS sẽ được cấp chứng nhận và sản phẩm được phép bán là hữu cơ PGS, được đóng gói, ghi nhãn theo quy định. Người sản xuất, cũng như các nhóm nông dân sẽ phải chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng về chất lượng RHC mà họ sản xuất ra. Cả nhóm sẽ bị xử lý vi phạm khi

chỉ cần một thành viên có vi phạm. Do vậy, các thành viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tuân thủ quy trình sản xuất RHC. Trong năm 2023, 100 hộ nông dân với 35ha, 16 tổ hợp tác với 40ha và 10 doanh nghiệp với 48,5ha rau được chứng nhận sản xuất theo theo chuẩn hữu cơ PGS (Bảng 3).

Bảng 2. Thực hiện sản xuất rau hữu cơ trên địa bàn Xaythany (năm 2023)

Diễn giải	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tạ)	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Làng Thông Măng	40	35,5	250	166,5	10.000	5.910,75
Làng Nôn Tệ	45	39,25	220	164,5	9.900	6.456,63
Somsavan	45	48,75	200	166,01	9.000	8.092,99
Tổng	130	123,5	222	165,67	28.900	20.460,37

Nguồn: Phòng Nông Lâm nghiệp Xaythany (2023).

Bảng 3. Thực trạng cấp giấy chứng nhận rau hữu cơ tại Xaythany (năm 2023)

Diễn giải	Chứng nhận RHC		
	Số lượng	Diện tích(ha)	Cơ cấu diện tích (%)
Hộ nông dân	100	35	28,3
Tổ hợp tác	16	40	32,4
Doanh nghiệp	10	48,5	39,3
Tổng	116	123,5	100,0

Bảng 4. So sánh việc tuân thủ quy định trong sản xuất theo hướng hữu cơ và thông thường của các hộ sản xuất rau trên địa bàn huyện Xaythany (năm 2023; ĐVT: %)

Yêu cầu tuân thủ các quy định trong sản xuất RHC	Sản xuất rau	
	Theo tiêu chuẩn hữu cơ	Theo phương thức truyền thống
Mua giống có nguồn gốc rõ ràng	100	20
Đánh giá đất đai đủ điều kiện sản xuất	100	20
Thực hiện biện pháp xử lý các nguy cơ tiềm ẩn từ đất	95	10
Không chăn thả vật nuôi trong vùng sản xuất	90	15
Sử dụng phân bón hữu cơ	100	30
Sử dụng nước tưới đảm bảo tiêu chuẩn	100	35
Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng cách	93	50
Ghi chép		
Một phần	85	15
Toàn bộ thông tin trong quá trình sản xuất	15	5
Sơ chế rau theo tiêu chuẩn	100	20
Kiểm tra nội bộ	95	5
Tổng kết báo cáo	97	10

Đánh giá chung của các bên liên quan về công tác cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn RHC vẫn cần cải thiện. Nguyên nhân chính là việc hướng dẫn hồ sơ thủ tục còn chưa rõ ràng, mất nhiều chi phí, thời gian chờ đợi.

3.1.3. Hình thức tổ chức sản xuất và việc tuân thủ quy trình sản xuất rau hữu cơ

Các tác nhân tham gia sản xuất RHC bao gồm tổ chức sản xuất ở hộ gia đình, tổ hợp tác và các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2021-2023, số lượng các tác nhân tham gia sản xuất RHC có xu hướng tăng lên. Năm 2021, huyện Xaythany có tổng số 85 hộ, 12 tổ hợp tác và 6 doanh nghiệp sản xuất RHC. Đến năm 2023, số hộ trồng RHC tăng lên 100 hộ, 16 tổ hợp tác và 10 doanh nghiệp. Các tác nhân tuân thủ khá tốt quy định trong sản xuất RHC. Theo số liệu khảo sát, có 100% hộ trồng RHC sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, đất đai đủ điều kiện sản xuất. Tương tự với các quy định về biện pháp xử lý nguy cơ tiềm ẩn từ đất, quy định về chăn thả gia súc trong vùng sản xuất, quy định về sử dụng phân bón, ghi chép thì tỷ lệ tuân thủ là khá cao. Trong khi đó, các hộ sản xuất rau theo phương thức truyền thống chỉ đáp ứng được một vài tiêu chí trong sản xuất RHC với tỷ lệ thấp (Bảng 4).

3.1.4. Kết quả phát triển sản xuất rau hữu cơ

Nỗ lực sản xuất RHC của các tác nhân trên địa bàn huyện Xaythany đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2021, huyện Xaythany có diện tích trồng RHC là 118,5ha, đến năm 2023 tăng lên là 123,5ha. Năng suất bình quân năm 2021 là 146,67 tạ/ha, đến năm 2023 đã tăng lên là 165,67 tạ/ha. Sản lượng RHC thu được năm 2021 và năm 2023 lần lượt là 17.380 tạ và 20.460 tạ. Các loại rau chính gồm xà lách, rau muống, cải ngọt, cà chua, cà rốt (Bảng 5).

Hiệu quả kinh tế trong sản xuất một số loại rau chính theo tiêu chuẩn hữu cơ được thể hiện ở bảng 6. Nhìn chung, năng suất trồng RHC thường thấp hơn so với trồng rau thông thường song giá tiêu thụ cao hơn nên các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế như giá trị gia tăng (VA), thu nhập hỗn hợp tính trên 1 ha/vụ đều trên 70 triệu kíp

nên công lao động gia đình khá cao so với cùng canh tác các đối tượng tương tự theo phương thức truyền thống.

3.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất rau hữu cơ tại huyện Xaythany

3.2.1. Điều kiện tự nhiên

Sản xuất RHC phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước. Trước tiên, đất trồng rau phải được kiểm tra đảm bảo không nhiễm các chất độc hại và có vùng đệm để tránh ảnh hưởng từ bên ngoài. Điều kiện thời tiết khí hậu, vào mùa hanh khô, độ ẩm thấp, RHC sẽ phát triển kém hơn trong thời tiết có độ ẩm và lượng mưa ổn định. Huyện Xaythany được đánh giá là một huyện có diện tích rộng, có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng RHC. Đặc biệt là trên địa bàn 3 làng Măng Thông, Nôn Tệ và Somsavan. Đây là các địa bàn có diện tích rộng, đất màu mỡ, nhiệt độ trung bình 23,5 độ, phù hợp cho sự phát triển các loại rau củ. Tuy nhiên, khí hậu thường nóng vào mùa hè nên gây khó khăn cho việc trồng rau hữu cơ. Nguyễn Anh Minh (2018); Makino & Inthalangsee (2023) đã chỉ ra điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn tới phát triển sản xuất rau theo hướng thực hành nông nghiệp tốt.

3.2.2. Chính sách của nhà nước

Trong thời gian qua những chính sách nổi bật có ảnh hưởng tới phát triển sản xuất RHC như: Quyết định số 0145/QĐ-TTg ngày 12/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ Lào về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất trong nông nghiệp; Quyết định số 0220/QĐ-UBND huyện Xaythany ngày 15/6/2015 về việc “Phê duyệt quy hoạch vùng sản xuất RHC, huyện Xaythany giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025”; Quyết định số 0250/QĐ-UBND huyện Xaythany ngày 16/7/2015 về việc “Phê duyệt chính sách hỗ trợ để vùng sản xuất RHC huyện Xaythany đi vào hoạt động, giai đoạn 2015-2020”. Trên cơ sở các chính sách, các phòng ban chức năng trên địa bàn huyện cụ thể hoá những hoạt động hỗ trợ cho phát triển sản xuất rau hữu cơ. Tuy nhiên, việc ban hành chính sách chưa đồng bộ và ổn định lâu dài; Người sản

xuất không có thông tin kịp thời để tiếp cận chính sách; Việc ban hành chính sách còn mang tính giải pháp tình thế nên chưa có sự chủ động; nguồn vốn để thực thi các chính sách còn khó khăn, hạn chế. Qua khảo sát cho thấy, người sản xuất RHC cần nhà nước hỗ trợ về khoa học kỹ

thuật, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ lãi suất ngân hàng, hỗ trợ về giống. Đây hầu hết là những mong muốn chính đáng, xuất phát từ thực tế. Yếu tố này cũng được khẳng định trong nghiên cứu của Lưu Văn Huy (2012), Nguyễn Anh Minh (2018), Karipidis & Karypidou (2021).

Bảng 5. Kết quả sản xuất một số loại rau hữu cơ tại huyện Xaythany (2021-2023)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm			Tốc độ phát triển (%)		
		2021	2022	2023	2022/2021	2023/2022	BQ
Diện tích	Ha	118,5	120,5	123,5	101,69	102,49	102,09
Rau ăn lá	Ha	45,5	46,5	47,0	102,20	101,07	101,63
Rau ăn quả	Ha	42,33	42,8	43,5	101,11	101,64	101,37
Rau ăn củ	Ha	30,67	31,2	33,0	101,73	105,77	103,73
Năng suất bình quân	Tạ/ha	146,67	158,33	165,67	107,95	104,63	106,28
Rau ăn lá	Tạ/ha	60	60	62	100,00	103,33	101,65
Rau ăn quả	Tạ/ha	185	200	215	108,10	107,5	107,80
Rau ăn củ	Tạ/ha	195	215	220	110,26	102,32	106,22
Sản lượng	Tạ	17.380	19.078	20.460	109,77	107,24	108,50
Rau ăn lá	Tạ	2.730	2.790	2.914	102,20	104,44	103,31
Rau ăn củ	Tạ	5.980	6.780	7.260	113,38	107,07	110,18
Rau ăn quả	Tạ	7.831	8.560	9.352	109,30	109,25	109,27

Nguồn: Phòng Nông Lâm nghiệp huyện Xaythany (2023).

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế một số loại rau hữu cơ (năm 2023)

Diễn giải	Các loại rau (tính trên 1ha canh tác/vụ)				
	Rau xà lách	Rau muống	Rau cải ngọt	Cà chua	Cà rốt
Sản lượng (tấn)	4,64	4,78	4,92	6,8	9,03
Chi phí trung gian (IC) (Nghìn Kíp)					
Giống	550	570	650	680	655
Phân hữu cơ	1200	1150	1250	1235	1100
Phân khác	250	280	315	295	300
Bảo vệ thực vật	650	580	600	620	590
Chi khác	1.500	1.455	1.355	1.300	1.350
Chi phí lao động					
Lao động thuê (Triệu Kíp)	6,5	6,7	5,8	6,1	6,2
Lao động gia đình (Công)	160	175	175	154	160
Khấu hao (Triệu Kíp)	12	12,5	14	14,5	13
GO (Triệu Kíp)	95	97	98,5	95,7	100
VA (Triệu Kíp)	90,8	92,9	94,3	91,5	96,0
MI (Triệu Kíp)	72,3	73,7	74,5	70,9	76,8
GO/IC (Lần)	22,89	24	23,62	23,17	25
VA/IC (Lần)	21,89	23,04	22,62	22,17	24,03
MI/Lđ gia đình (Nghìn Kíp)	452	421,5	425,8	460,8	480,3

Ghi chú: 1USD = 22.095 Kíp Lào; 1 Kíp Lào = 1,18 VNĐ.

Bảng 7. Đặc điểm của các chủ thể sản xuất rau (năm 2023)

Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị trung bình	Hộ trồngRHC	Hộ trồng rau truyền thống
Hộ sản xuất		200	100	100
Giới tính của chủ hộ				
Nam	Người	159	78	81
Nữ	Người	41	22	19
Tuổi chủ hộ	Năm	43,83	43,73	43,93
Số năm đi học	Năm	9,49	9,34	9,64
Kinh nghiệm trồng rau hàng hoá	Năm	3,81	3,75	3,87
Lao động sản xuất rau	Lao động	3,18	3,61	2,75
Diện tích trồng rau	Ha	2,51	2,34	2,66
Tham gia tập huấn trồng rau	Lần	2,86	4,23	1,5
Vốn	Triệu kíp	11,75	14,88	8,6
Nhận thức về quy trình sản xuất RHC	Điểm	0,58	1,03	0,13

3.2.3. Thị trường tiêu thụ

Tey & cs. (2008); Abler (2010); Lưu Văn Huy (2012); Nguyễn Anh Minh (2018); Poyearleng & cs. (2019); Karipidis & Karypidou (2021); Singh & cs. (2023) đã chỉ ra yếu tố thị trường tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng tới phát triển sản xuất RHC. Trong nghiên cứu này, thị trường cũng được chỉ ra có ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển sản xuất RHC. Mặc dù sản xuất RHC có tiềm năng lớn, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường tiêu thụ. Thị trường tiêu thụ RHC chủ yếu trên địa bàn huyện, một phần được đưa tới thủ đô. Vào chính vụ, nguồn cung lớn đã gây khó khăn trong tiêu thụ, giá rau thường xuống thấp, ảnh hưởng tới thu nhập của người trồng rau. Do đó, các mối liên kết giữa các tác nhân trong sản xuất và tiêu thụ rất quan trọng. Đánh giá của các bên liên quan về mối liên kết giữa các tác nhân trong sản xuất và tiêu thụ RHC ở huyện Xaythany đều cho rằng mối liên kết còn lỏng lẻo. Chính quyền địa phương cũng triển khai hoạt động hỗ trợ kết nối tiêu thụ như tổ chức các hội chợ tại trung tâm huyện, hỗ trợ tham gia hội chợ thương mại. Tuy nhiên, hình thức này chỉ mang tính quảng bá vì sản lượng tiêu thụ ít. Vì vậy, cần những giải pháp về thị trường để những người sản xuất đưa được sản phẩm tới tay người tiêu dùng.

3.2.4. Yếu tố thuộc về chủ thể sản xuất

Mô hình logit được sử dụng để nghiên cứu các yếu tố thuộc về chủ thể sản xuất rau ảnh

hưởng thế nào đến phát triển sản xuất RHC. Đặc điểm nhân khẩu học và kinh tế xã hội của các hộ được thống kê mô tả qua bảng 7. Khảo sát chủ hộ có 159 nam, 41 nữ. Số năm được đào tạo của các chủ hộ bình quân 9,49 năm. Trước đây, các hộ chủ yếu trồng rau phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Số năm bình quân sản xuất rau hàng hoá là 3,81 năm. Lao động tham gia sản xuất rau bình quân 3,18 lao động/hộ. Diện tích trồng rau bình quân là 2,51 ha/hộ. Số lần tham gia tập huấn kiến thức về sản xuất RHC bình quân 2,86 lần/hộ.

Kết quả ước lượng mô hình logit cho thấy các biến đưa vào mô hình giải thích tới 90,1%. Các biến có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng tới quyết định trồng RHC của hộ là giới tính chủ hộ, số lao động tham gia sản xuất rau, vốn, số lần tham gia tập huấn trồng rau, mức độ khó khăn khi áp dụng quy trình trồng RHC. Trong khi đó, các biến tuổi, số năm tới trường, số năm trồng rau hàng hoá, diện tích trồng rau không có ý nghĩa thống kê (Bảng 8).

Hệ số ảnh hưởng của biến giới tính cho thấy nếu chủ hộ là nữ giới thì sẽ làm tăng 62,8% xác suất trồng RHC. Nữ giới là những người hàng ngày sát sao với việc chăm lo sức khoẻ không chỉ cho bản thân mà còn cho cả gia đình nên họ rất nhạy cảm với vấn đề an toàn thực phẩm. Họ có xu hướng thiên về những cách thức sản xuất thân thiện và đảm bảo sức khoẻ hơn. Phát hiện này đối lập với kết luận nam giới có xu hướng áp dụng sản xuất RHC của Hasan & Rahman (2006). Tương tự số lao

động tham gia sản xuất rau của hộ tăng lên 1% sẽ làm cho xác suất ra quyết định trồng RHC tăng lên 1,3% do việc trồng RHC cần nhiều công lao động hơn so với trồng rau thông thường. Kết luận này củng cố cho nghiên cứu của Stefano & cs. (2018). Vốn tăng 10% sẽ làm cho xác suất trồng RHC tăng 10,1%. Để bảo vệ sản xuất, các hộ cũng cần đầu tư nhà lưới, nhà màng để hạn chế sâu bệnh hại... nên khá tốn kém. Vì vậy, vốn là một trong những điều kiện tiên quyết trong sản xuất RHC. Kết luận này củng cố nghiên cứu của Karipidis & Karypidou (2021). Mặt khác, một trong những yêu cầu sản xuất RHC và được chứng nhận là các hộ cần phải tham gia lớp tập huấn để có kiến thức, nắm bắt quy trình và yêu cầu cần tuân thủ khi sản xuất. Trong sản xuất RHC, thông tin chính thống từ các cuộc tập huấn, tổ chức tạo lòng tin cho người sản xuất cũng như người tiêu dùng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Berdegues (2003); Amarnath & Sridhar (2012) và Singh (2023). Quy trình sản xuất RHC hiện nay được hầu hết các hộ trồng rau truyền thống đánh giá là khó thực hiện, trong khi các hộ đã trồng RHC đánh giá là bình thường đến dễ thực hiện. Kết luận này cùng với quan điểm với các nghiên cứu trước đây của Gladis (2002), Karipidis (2021). Điều này cho thấy mức độ quan trọng của việc xây dựng một quy trình kỹ

thuật chuẩn, dễ áp dụng.

3.3. Giải pháp phát triển rau hữu cơ trên địa bàn huyện Xaythany

Giải pháp về chính sách nhà nước: Để phát triển sản xuất RHC, cần có giải pháp chính sách đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo điều kiện cho các tác nhân. Cụ thể, sự đồng bộ thể hiện từ các chính sách hỗ trợ đầu tư công, vốn tín dụng tới các chính sách chuyển giao công nghệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn và chứng nhận RHC, đồng thời có chính sách khuyến khích tiêu thụ và mở rộng thị trường, kết nối cung cầu sản phẩm. Mặt khác, các chính sách từ trung ương tới tỉnh và huyện Xaythany cũng cần cụ thể hơn. Ngoài ra, chính quyền cần phối hợp với các bên liên quan xây dựng quy trình sản xuất RHC có tính khả thi cao hơn.

Hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển sản xuất RHC: Quy hoạch cần đề cao tính đồng bộ, tập trung thành các vùng sản xuất, đảm bảo cơ sở hạ tầng để sản xuất, sơ chế RHC, tiêu thụ đúng quy định. Công tác quy hoạch cần tạo ra các vùng sản xuất hàng hoá với từng loại rau củ dựa trên các khu vực có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội phù hợp. Tăng cường sự tham gia của người dân trong quy hoạch thông qua lấy ý kiến và công khai cho các bên liên quan trước khi thực hiện quy hoạch.

Bảng 8. Kết quả ước lượng mô hình logit về các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sản xuất rau hữu cơ trên địa bàn huyện Xaythany (năm 2023)

Biến giải thích	Logit regression (n = 200)				
	Hệ số ảnh hưởng	Std.Error	Z	P> z	Dy/dx
Giới tính chủ hộ	-3,702**	1,632	-2,27	0,02	-0,628
Tuổi chủ hộ	-0,052	0,089	-0,58	0,56	-0,013
Số năm đi học	-0,076	0,167	-0,45	0,64	-0,019
Kinh nghiệm trồng rau hàng hoá	0,347	0,404	0,86	0,39	0,086
Lao động sản xuất rau	1,836***	0,694	2,64	0,00	0,459
Diện tích trồng rau	-0,522	0,792	-0,66	0,50	-0,130
Vốn	0,407***	0,160	2,53	0,01	0,101
Tham gia tập huấn trồng rau	2,521***	0,791	3,19	0,00	0,630
Nhận thức về quy trình sản xuất RHC	5,513***	1,728	3,19	0,00	1,378
Hệ số chặn	-15,089**		-1,96	0,05	
Pseudo R ²	0,9011				
Prob > Chi ²	0,0000				

Ghi chú: Mức ý nghĩa *: 10%; **: 5%; ***:1%.

Giải pháp khuyến khích tiêu thụ và mở rộng thị trường: Trước tiên, chính quyền huyện Xaythany cần xây dựng thương hiệu, quảng bá trên thị trường thông qua các hội chợ thương mại, các kênh truyền thông tới các tác nhân trung gian phân phối, người tiêu dùng. Bên cạnh việc xây dựng thương hiệu, cung cấp thông tin về sản phẩm như: ngày sản xuất, ngày thu hoạch,... thông qua hệ thống mã vạch giúp khẳng định uy tín, bảo đảm chất lượng. Đồng thời, tổ chức các hoạt động hỗ trợ kết nối cung cầu trên thị trường như tổ chức các hội chợ thương mại, kêu gọi các chủ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm rau liên kết, ký hợp đồng với các vùng sản xuất để sản xuất theo nhu cầu của thị trường.

Tiếp tục huy động sự tham gia của các tác nhân có liên quan trong sản xuất RHC: Bên cạnh hộ sản xuất, tổ hợp tác, doanh nghiệp cũng tiếp tục khuyến khích phát triển góp phần tạo ra vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, với sự thống nhất cao. Từ đó giúp tạo vùng nguyên liệu cho các tác nhân trung gian phân phối tiến hành thu gom sản phẩm dễ dàng hơn. Mặt khác sự hợp tác giữa các hộ sản xuất sẽ tạo nên tiếng nói lớn hơn khi đàm phán về giá, các điều kiện khác khi giao dịch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, doanh nghiệp tham gia sẽ góp phần dẫn dắt các tác nhân nhỏ khác sản xuất có định hướng thị trường và bền vững hơn.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm: Hoạt động này sẽ giúp loại bỏ sự lo lắng của người tiêu dùng về chất lượng bởi hệ thống PGS áp dụng nhiều tiêu chuẩn khác nhau cũng như chưa rõ ràng về quy trình kiểm tra, xác nhận,... Đồng thời bổ sung nhân sự có chuyên môn để tăng cường vận hành cũng như khắc phục các hạn chế trong sản xuất RHC. Đại diện hội người tiêu dùng cũng cần tham gia vào hoạt động giám sát này để đảm bảo tính khách quan.

Tăng cường tín dụng cho hộ: Nhà nước cần tạo điều kiện cho hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi để đầu tư vật tư, máy móc thiết bị, nhà sơ chế, giống, phân bón... Đặc biệt trong bối cảnh công nghệ ngày càng có vai trò quan trọng trong hỗ trợ ra quyết định sản xuất. Do đó, cần đầu tư cho các công nghệ phục

vụ sản xuất, kết nối, tiêu thụ và quảng bá sản phẩm. Vì vậy, tạo điều kiện thuận lợi cho người trồng rau tiếp cận với tín dụng lãi suất ưu đãi để đầu tư máy móc, cơ giới hoá sản xuất góp phần giải quyết vấn đề lao động trong sản xuất RHC như máy làm đất, gieo hạt, máy cắt cỏ.

Tạo nguồn kinh phí, tăng cường tổ chức các buổi tập huấn: Tiếp tục tạo nguồn kinh phí từ vốn ngân sách, tài trợ quốc tế, tổ chức, cá nhân phục vụ cho hoạt động tập huấn sản xuất RHC. Tăng hiệu quả tập huấn thông qua chuẩn bị nội dung tập huấn phù hợp với nhu cầu thực tiễn và lựa chọn các đối tượng phù hợp, đặc biệt là nữ giới có nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm trong sản xuất an toàn, vì sức khoẻ cộng đồng. Tích cực tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm hay, dễ thực hiện cho cộng đồng sản xuất rau. Chính quyền cần quan tâm tới việc hướng dẫn nông dân đăng ký để cấp giấy chứng nhận sản xuất RHC.

4. KẾT LUẬN

Trong những năm qua, với điều kiện thuận lợi về tự nhiên, sinh thái, thổ nhưỡng, khí hậu và các chính sách khuyến khích, chính quyền và người sản xuất RHC trên địa bàn huyện Xaythany đã có nhiều nỗ lực và kết quả trong sản xuất RHC. Công tác quy hoạch vùng sản xuất RHC được triển khai tại các làng Thông Măng, Nôn Tê, Sômsavan với nhiều loại rau khác nhau. Chính quyền đã hỗ trợ bước đầu cho phát triển sản xuất RHC bao gồm: triển khai các dự án và nguồn kinh phí hỗ trợ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác khuyến nông, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Mặc dù việc tuân thủ quy định trong sản xuất rau theo hướng hữu cơ còn nhiều khó khăn, tổng diện tích RHC đã gieo trồng đạt 123,5ha, với sản lượng 20.460 tạ. Hiệu quả kinh tế của các loại RHC là khá cao. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất RHC trên địa bàn huyện Xaythany bao gồm: điều kiện tự nhiên, chính sách của nhà nước, thị trường tiêu thụ, thương hiệu, các yếu tố thuộc về chủ thể sản xuất như giới tính chủ hộ, lao động tham gia sản xuất, vốn, tham gia tập huấn, mức độ khó khăn khi thực hiện quy trình sản xuất RHC. Giải pháp đề xuất để thúc đẩy phát triển sản xuất RHC cần tập trung bao gồm: Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, hoàn thiện công tác quy

hoạch phát triển sản xuất RHC, khuyến khích tiêu thụ và mở rộng thị trường, tiếp tục huy động sự tham gia của các tác nhân có liên quan trong sản xuất RHC, tăng cường công tác giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng cường tín dụng cho hộ, tạo nguồn kinh phí, tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abler D. (2010). Demand Growth in Developing Countries. OECD Food, Agriculture and Fisheries Papers No. 29. Retrieved from https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2010/07/demand-growth-in-developing-countries_g17a1eae/5km91p2xcsd4-en.pdf on 2 June, 2024.
- Amarnath J.S. & Sridhar V. (2012). An economic analysis of organic farming in Tamil nadu, India. *Bangladesh J. Agric. Econs.* XXXV(1&2): 33-51.
- Berdegúe L., Balsevich F., Flores L. & Reardon T. (2003). The Rise of Supermarkets in Central America: Implications for Private Standards for Quality and Safety of Fresh Fruit and Vegetables. Retrieved from https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PBAAB806.pdf on 2 June, 2024.
- Bounhome (2020). Phát triển sản xuất rau hữu cơ tại huyện Muang Xay, tỉnh Udomxay, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Luận văn Thạc sĩ phát triển nông thôn. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Federica C. & Fabio A.M. (2007). Organic and Conventional Farming: A Comparison Analysis through the Italian FADN. Retrieved from <https://ideas.repec.org/p/pramprapa/21786.html> on June 5, 2024.
- Gladis M. (2002). Transition from Conventional to Organic Farming Systems: I. Challenges, Recommendations, and Guidelines for Pest Management. Retrieved from https://www.researchgate.net/publication/283858075_Transition_from_Conventional_to_Organic_Farming_Systems_I_Challenges_Recommendations_and_Guidelines_for_Pest_Management on June 5, 2024.
- Hasan M.K. & Rahman M.Z. (2006). Participation of male and female conventional farmers in farming activities. Retrieved from https://www.researchgate.net/publication/306103042_Participation_of_male_and_female_conventional_farmers_in_farming_activities on 2 June, 2024.
- Inthavixay C., Sengsouriya P. & Sibounavong P. (2023). Consumer purchase behavior towards organic potato in Vientiane capital, Lao PDR. Retrieved from https://www.researchgate.net/publication/381298136_consumer_purchase_behavior_towards_organic_potato_in_vientiane_capital_lao_pdr on 5 June, 2024.
- Karipidis P. (2021). Factors that Impact Farmers' Organic Conversion Decisions. *Sustainability.* 13(9): 2-12.
- Karipidis P. & Karypidou S. (2021). Factors that Impact Farmers' Organic Conversion Decisions. Retrieved from <https://doi.org/10.3390/su13094715> on Sep 8, 2024.
- Luu Văn Huy (2012). Phát triển sản xuất rau hữu cơ tại huyện Luong Son, tỉnh Hoà Bình. Luận văn Thạc sĩ kinh tế. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Makino T. & Inthlangsee B. (2023). A comparative study between organic agriculture for vegetables and fruits production in Lao PDR and the MRL approach used by other countries in the Mekong region. *Journal of ASEAN Studies.* 11(2): 391-415.
- Nguyễn Anh Minh (2018). Phát triển sản xuất rau theo hướng thực hành nông nghiệp tốt tại tỉnh Hoà Bình. Luận án tiến sĩ Kinh tế nông nghiệp. Học viện Nông nghiệp Việt Nam. 114-126.
- Phòng Nông Lâm nghiệp huyện Xaythany (2023). Báo cáo hàng năm về thực trạng sản xuất rau theo tiêu chuẩn hữu cơ giai đoạn 2021-2023.
- Poyearleng C., Kai Z., Shahriar S. & Reakine O. (2019) Factors Influencing Consumers' Purchasing Behavior on Organic Vegetables: A Case Study in Vientiane, Lao PDR. *Open Journal of Social Sciences.* 7(2): 199-215.
- Singh S.P., Priya & Sajwan, K. (2023). Factors influencing the adoption of organic farming: a case of Middle Ganga River basin, India. *Organic Agriculture.* 13(3): 193-203.
- Stefano O., Susanne P & Lampkin N. (2018). Labour Use on Organic Farms: a Review of Research since 2000. Retrieved from https://literatur.thuenen.de/digbib_extern/dn061533.pdf on Sep 8, 2024.
- Tey Y.S., N.S. Mad, M. Zainalabidin, S. Jinap and G.R. Abdul (2009). Demand for quality vegetables in Malaysia. *International Food Research Journal.* 16(3): 313-327.
- Tổng cục Thống kê Lào (2024). Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2023.
- Vagneron I., Kousonsavath C. & Xong M. (2015). Consumer perceptions of organic food in the Lao PDR. Retrieved from https://www.switch-asia.eu/site/assets/files/2078/consumer_perceptions_of_organic_food_2015.pdf on Sep 12, 2024.
- World Bank (2023). The annual report. Retrieved from: <http://www.worldbank.org/annualreport> on Feb 12, 2024.